

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ TÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18 – 5 – 2021

“V/v ly hôn giữa  
Chị C và anh T”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Rỡ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim C

2. Ông Thái Công Sết

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:***  
Ông Nguyễn Văn Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 94/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Mỹ C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp Hòa Hiệp, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ 1, ấp Hòa Hiệp, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang

*(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị Mỹ C trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T tự tìm hiểu được 01 năm, tiến tới hôn nhân năm 2010 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp, sau khi cưới vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh mua bán sinh sống. Năm 2011 anh T làm được bao nhiêu cờ bạc hết bấy nhiêu, thiếu nợ nhiều người. Anh T không quan tâm đến vợ con, không đưa tiền cho chị nuôi con, một mình chị phải đi làm nuôi con. Suốt 10 năm chung sống, chỉ duy nhất một lần

anh T đưa tiền để chị đóng tiền học cho con nhưng sau đó vài ngày anh T đã đòi lại, khi đòi tiền anh dùng lời lẽ nhục mạ, xúc phạm đến nhân phẩm của người phụ nữ. Năm 2018, anh chị trở về địa phương sinh sống. Anh T không thay đổi, vẫn bê tha, chơi cờ bạc và còn sử dụng trái phép chất ma túy, nhiều lần chị khuyên anh nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng thường xuyên cự cãi, có lần anh T còn đánh chị. Vợ chồng ly thân khoảng 1 năm nay. Thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được, có lần anh T nhắn tin qua điện thoại đề nghị hàn gắn, chị không đồng ý, anh T nói nếu không hàn gắn anh sẽ chặn đường, chém, tạt axit, dùng nhiều lời lẽ thô thiển chửi chị, cho rằng chị có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Ngoài ra, mẹ chồng cũng nhiều lần chửi chị và cha chị vì chuyện không hàn gắn với anh T. Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị C về thời gian kết hôn, mâu thuẫn của vợ chồng. Hơn một năm trước, do làm ăn thua lỗ anh buồn nên tụ tập bạn bè cờ bạc, sử dụng trái phép chất ma túy. Sau khi bị Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang đưa đi cắt cơn giải độc, anh không còn sử dụng ma túy. Vợ chồng ly thân hơn một năm. Trong thời gian ly thân, khi uống rượu anh giận chị C nên đã nhắn tin đe dọa như chị C trình bày. Việc chị C cho rằng anh đưa tiền cho chị lo cho con sau đó lấy lại là đúng, lý do anh lấy lại vì làm ăn thua lỗ nên mượn lại để trả nợ rồi sẽ trả lại cho chị C, đến nay anh vẫn chưa trả lại chị. Cách đây 2 ngày anh có sang nhà năn nỉ chị C để hàn gắn nhưng chị C không đồng ý và đuổi anh về. Anh T còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn, anh đề nghị Tòa án cho anh chị thời gian để hàn gắn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 04/4/2011 (đang sống với anh T) và Nguyễn Hà Mỹ N sinh ngày 21/12/2013 (đang sống với chị C). Chị C và anh T thỏa thuận, anh T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Quốc K, chị C tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hà Mỹ N, không ai cấp dưỡng nuôi con.

- Về Ca tài sản: Không.

- Về nợ chung: Không.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu:*

Về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị C và anh T chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp, chung sống được 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, chỉ lo ăn chơi với bạn bè và có hành vi sử dụng trái

phép chất ma túy. Chị C nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, còn có lời lẽ xúc phạm chị C. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chị C và anh T thỏa thuận, chị C tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hà Bảo N, anh T tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Quốc K. Cả hai không phải cấp dưỡng qua lại lẫn nhau.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của chị C được ly hôn với anh T. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về nuôi con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hòa Hiệp, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung; xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2010, trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn về việc anh T thường xuyên cờ bạc, sử dụng trái phép chất ma túy, không lo cho gia đình vợ con, không tôn trọng, không tin tưởng tình cảm của chị C. Năm 2020 vợ chồng ly thân đến nay. Xét thấy, anh T không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc vợ con, cùng chia sẻ công việc trong gia đình, không tôn trọng và giữ gìn danh dự cho vợ, đe dọa hành hung vợ, thời gian ly thân anh chị kéo dài. Hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Nên yêu cầu ly hôn của chị C là phù hợp. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận chị Hà Thị Mỹ C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Chị C và anh T tự thỏa thuận, chị C nuôi con chung tên Nguyễn Hà Mỹ N còn anh T nuôi cháu Nguyễn Quốc K, không ai cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của anh chị không trái pháp luật, không vi phạm đạo

đức xã hội và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Anh chị có quyền thăm con chung, anh chị cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về chia tài sản: Chị C và anh T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận chị C và anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[6] Về án phí sơ thẩm, căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Hà Thị Mỹ C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm;

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Chị Hà Thị Mỹ C được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, chị Hà Thị Mỹ C tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Hà Mỹ N sinh ngày 21/12/2013 và anh Nguyễn Văn T tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Quốc K, sinh ngày 04/4/2011 đến khi thành niên và lao động được. Chị C và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, anh chị cùng các thành viên gia đình không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không

4. Về nợ chung: Ghi nhận chị C và anh T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Hà Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001917 ngày 10/3/2021 của C cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh T không phải chịu án phí.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- C cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Thị Rõ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**